

CHƯƠNG 1: ĐÔ THỊ THỜI CỔ ĐẠI

1.1 Đô thị Ai Cập cổ đại.

- Những đô thị Ai Cập cổ đại đã ra đời từ rất sớm, khoảng 3000 TCN. Những đô thị Ai Cập cổ đại đều quy tụ dọc theo hai bên bờ sông Nile như một yếu tố quan trọng của nền kinh tế nông nghiệp. Thần quyền và Vương quyền cũng tác động mạnh đến sự hình thành bộ mặt đô thị, hình thành nên những trung tâm tôn giáo với những đền thờ hay lăng mộ lớn.

- Ngoài những quần thể kim tự tháp và đền đài với quy mô lớn được xây dựng bằng đá còn tồn tại được đến nay, các kết quả của hoạt động xây dựng đô thị phần lớn đã bị sa mạc và thời gian làm mất đi. Những hình thức của đô thị lúc bấy giờ chỉ có thể hình dung được một phần qua dấu vết còn lại của một số đô thị được xây dựng để tập trung nô lệ phục vụ cho việc xây dựng kim tự tháp.

Đô thị tiêu biểu: Gizah, Kahun.

1.2 Đô thị vùng Lưỡng Hà.

- Những đô thị vùng Lưỡng Hà và Tây Á là những bằng chứng sống động đánh dấu giai đoạn đầu tiên của nền văn minh loài người. Tuy vậy, đây cũng là khu vực thường xuyên bị chiến tranh tàn phá. Thêm vào đó, với vật liệu xây dựng chủ yếu là gạch nên hình dạng nguyên thủy của chúng rất khó xác định qua sự tàn phá củ thời gian.

- Những đô thị Lưỡng Hà ban đầu mang tính chất trung tâm hành chính và tôn giáo của công xã nông thôn, sau đó mới trở thành các trung tâm thương mại trên cơ sở phát triển thủ công nghiệp và thương mại. Các thành phố được xây trên những bệ cao nhân tạo để tránh lũ lụt. Các công trình chủ chốt của thành phố được xây dựng với quy mô cao, rộng. Tường thành có tính chất phòng ngự rất mạnh. Tôn giáo và thuật xem sao rất được chú trọng và thể hiện ở việc xây các công trình tôn giáo to lớn. Hệ thống đường khá hoàn thiện, nhiều khi được lát đá và hệ thống thiết bị kỹ thuật cấp, thoát nước tương đối được chú trọng.

Đô thị tiêu biểu: Khorsabad, Babylon, Persepolis.

1.3 Đô thị Hy Lạp cổ đại.

- Trong thời kỳ đầu, nền văn minh Hy Lạp bắt đầu tại các đảo trong vùng biển Địa Trung Hải với nền văn minh của đảo Crete chiếm địa vị chủ đạo. Như chiếc cầu nối giữa hai thế giới Đông-Tây, Crete với thủ phủ Knossos, đã truyền bá nền văn minh và trao đổi hàng hóa đi khắp khu vực. Vào những năm 1400 TCN, nền văn minh tại Crete bắt đầu suy thoái và nhường bước cho những nền văn minh mới nổi lên ở trên đất liền với các đô thị tiêu biểu như Tyrins, Mycenae.

- Từ thế kỷ thứ VIII-VI TCN, sau khi thiết lập nền Cộng hoà quý tộc và chế độ Dân chủ chủ nô, một loạt các đô thị đã phát triển hoặc mới xuất hiện. Ngoài những thành phố lớn tại chính quốc như Athens và Sparta, đế quốc Hy Lạp cổ đại bây giờ còn có nhiều đô thị nằm ở nhiều vùng khắp Nam Âu, Tây Á và Bắc Phi.

- Các thành phần của đô thị Hy Lạp cổ đại:

+ Agora: là trung tâm chính trị, hành chính và thương mại của thành phố Hy Lạp cổ đại bao gồm: quảng trường chợ, các cửa hàng, nơi sinh hoạt văn hoá công cộng... Agora thường có hình dáng hình học và được bao quanh bởi những hàng cột thức. Agora có xuất xứ từ Hy Lạp và sau này ảnh hưởng khá lớn đến sự hình thành các Forum thời kỳ La Mã.

+ Acropole: là trung tâm tôn giáo, tín ngưỡng của đô thị với các đền thờ gắn bó với các hoạt động nghi lễ của người dân đồng thời là lớp thành phòng vệ cuối cùng. Acropole thường chiếm lĩnh các địa thế cao, những khu đất trồi lên khỏi thành phố, gắn bó với khung cảnh thiên nhiên, tạo nên các điểm nhìn đẹp.

- Hình thái học đô thị Hy Lạp cổ đại:

+ Kiểu bố cục tự do: thường xuất hiện ở các đô thị thời kỳ đầu với Acropole và Agora là những hạt nhân tổ hợp chính. Các thành phần khác của đô thị tập trung xung quanh hai trung tâm này và tổ chức phù hợp với điều kiện địa hình.

+ Kiểu ô cờ (Gridion): đô thị được tổ chức theo lý thuyết về xây dựng đô thị của kiến trúc sư và nhà quy hoạch Hypodamos. Ông chủ trương một mặt bằng đô thị phải được suy nghĩ như là một bản thiết kế dành cho người dân,

chức năng sử dụng của nhà và không gian công cộng cần được chú ý trong quy hoạch đường phố.

Đô thị tiêu biểu: Athens, Tyrins, Millet.

1.4 Đô thị La Mã cổ đại.

- Hoạt động xây dựng đô thị La Mã cổ đại bắt đầu từ sự phát triển dần dần của thành Rome theo lịch sử phát triển của đế chế La Mã. Vào thời kỳ đầu, các điểm dân cư cũng như những đô thị La Mã chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Etruria bản địa và văn hoá Hy Lạp cổ đại. Tập quán xây dựng đô thị của người Etruria được mô tả như sau: "Những bậc trường lã đã cho trau cày một vòng tròn, vẽ ra vòng tròn đó để làm vườn hoa, rồi chia khu đất thành phố ra làm bốn phần, con đường hướng Bắc-Nam gọi là Cardo, con đường hướng Đông-Tây gọi là Decumanus...". Người La Mã sau này trong thành phố cũng có hai trục đường chính mang tên như vậy.

- Cùng với sự phát triển của La Mã, ranh giới của đế quốc đã mở rộng khắp Tây Âu, Tiểu Á-Tê Á và Bắc Phi. Trong các cuộc chiến tranh mở rộng đất đai đó, người La Mã đã xây dựng hàng loạt những đô thị nhỏ kiểu doanh trại về sau trở thành những hạt nhân của các đô thị thời Trung cổ. Tại Rome, các hoàng đế La Mã đã rất chú ý xây dựng các Forum đánh dấu triều đại trị vì của mình. Đây là nơi dùng làm nơi hiệu triệu, hành lễ, xử phạt, chiêu đãi, diễu hành... Các Forum của các hoàng đế đặt cạnh nhau hình thành quần thể Forum tại Rome với các Forum như: Nerva, Romanum, Caesar, Augustus, Trajan... Dưới thời La Mã, kỹ thuật đô thị đã đạt trình độ rất cao với những cầu dẫn nước nhiều tầng, hệ thống đường sá La Mã hết sức bền chắc với hệ thống thoát nước hai bên.

Đô thị tiêu biểu: Rome, Timgad, Pompei.

1.5 Đô thị Trung Quốc cổ đại.

- Các điểm dân cư đô thị đã xuất hiện đã xuất hiện từ rất sớm vào đời nhà Thương, nhà Chu và thời Xuân Thu. Ở thành Trịnh Châu đời nhà Thương (thế kỷ XVII TCN) đã tìm thấy dấu vết tường thành bằng đất, dấu vết các phường thủ công nghiệp luyện đồng, làm gốm, nấu rượu v.v... Đời nhà Chu (thế kỷ XII TCN),

bố cục thành phố đã tương đối lý tưởng: cung thất đặt ở trung tâm, mỗi cạnh vuông của tường thành có ba cửa. Sau khi chế độ nô lệ ở Trung Quốc tan rã, xã hội phong kiến Trung Quốc được xác lập vào thời Chiến quốc và kéo dài đến đời nhà Thanh xuyên suốt cả một khoảng thời gian 24 thế kỷ.

- Nền quy hoạch đô thị Trung Quốc đã ra đời sớm và có nghệ thuật phong phú, độc đáo. Mặt bằng đô thị thường vuông vắn, trật tự, các khu vực công năng được phân chia rõ ràng, xung quanh thành thường có tường cao hào sâu, ở giữa cung điện thường là hoàng thành, phía hai bên thường đặt chợ và sau cùng là các khu ở. Những quần thể kiến trúc chính và kiến trúc lớn đều được đặt vào vị trí nổi bật, góp phần hình thành và nhân mạnh trục chính của đô thị.

- Trong nghệ thuật xây dựng đô thị Trung Quốc, đô thị được thiết kế không chỉ đảm bảo tính trật tự mà còn bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với địa hình. Nghệ thuật sân vườn, cây xanh Trung Quốc cũng đạt đến trình độ cao, kết hợp được kiến trúc với thiên nhiên rộng lớn. Đô thị miền Bắc có địa hình bằng phẳng nên quy hoạch vuông vức trong khi đô thị miền Nam có địa hình phức tạp nên có hình dáng không quy tắc, dựa theo điều kiện địa hình để bố trí

Đô thị tiêu biểu: Trường An đời Tùy-Đường, thành Tô Châu đời Tống, Bắc Kinh đời Minh-Thanh.

CHƯƠNG 2: ĐÔ THỊ THỜI TRUNG ĐẠI

2.1 Sự biến mất của nền văn minh đô thị trong thời kỳ Trung cổ.

Tại các nước Châu Âu, chế độ phong kiến bắt đầu hình thành vào thế kỷ thứ V sau khi đế quốc La Mã tan rã. Sự phân nhỏ châu Âu đã khiến cho đô thị bước sang một thời kỳ tiêu điều, quy mô các thành phố co lại, sự hoang phế tràn ngập thay cho sự sầm uất và lộng lẫy trước đó. Đêm dài Trung cổ đã tẩy sạch và phá trụi những nền văn minh xây dựng đô thị có được từ thời Hy Lạp và La Mã trước đó. Các quý tộc phong kiến cát cứ trên những lãnh thổ nhỏ bằng các pháo đài, những thành lũy nhỏ xây dựng bằng gỗ với hào nước, cầu rút... Nhà thờ trở thành hạt nhân đô thị, không ngừng củng cố vị trí của tôn giáo của mình trong suốt nhiều thế kỷ.

2.2 Sự chấn hưng của hàng hội trung thế kỷ và sức sống mới của thành phố trung thế kỷ châu Âu.

- Đến thế kỷ thứ IX và thế kỷ thứ X, nền kinh tế châu Âu, trước hết là kinh tế nông nghiệp, đã có những thay đổi nhất định. Nhưng Trung và Tây Âu vẫn bị chia thành quá nhiều nước nhỏ manh mún, nên sức bật kinh tế và hoạt động xây dựng đô thị của thời kỳ này chỉ được coi như là những dấu hiệu mở đầu. Đến thế kỷ XI và XII diện tích phần đất châu Âu Thiên chúa giáo mở rộng đến tận ranh giới của Đông La Mã trước kia. Lúc bấy giờ, châu Âu đã phát triển được một hệ thống đô thị có mật độ lớn với mạng lưới các đường giao thông thủy, bộ chằng chịt. Lịch sử phát triển và phục hưng đô thị trung thế kỷ bắt đầu bằng sự phát triển nông nghiệp có thặng dư, sự phát triển thương nghiệp và gắn liền với những tuyến đường buôn bán và hành hương tôn giáo.

- Trong đô thị trung thế kỷ, ba yếu tố quảng trường chợ, nhà thờ và toà thị chính gắn bó chặt chẽ với nhau. Nhìn chung, mặt bằng đô thị trung thế kỷ thường phát triển tự do một cách hài hòa với tự nhiên theo nhu cầu phát triển của đô thị. Mặc dù ở những thời kỳ sau, đô thị có những bước phát triển mới nhưng vẻ đẹp của đô thị trung thế kỷ luôn tạo nên một bầu không khí cuốn hút mọi người.

Đô thị tiêu biểu: Prague, Mont Saint Miechel.

2.3 Đô thị thời kỳ Phục Hưng.

- Quá trình phôi thai tư bản chủ nghĩa cùng với sự ra đời của phong trào Văn nghệ Phục hưng thế kỷ XV- XVI đã đưa nghệ thuật xây dựng đô thị lên một bước mới. Châu Âu ven Địa Trung Hải bấy giờ là trung tâm thương mại thế giới, các đô thị có đủ vật lực và tài lực để mở rộng xây dựng đô thị trong nhiều lãnh vực. Bộ mặt của đô thị thời kỳ Phục hưng đã thay đổi rất mạnh mẽ, số lượng và chất lượng kiến trúc tăng lên, hình thức kiến trúc và trang trí kiến trúc phong phú. Tuy nhiên, do điều kiện đặc thù của một giai đoạn chuyển tiếp nên thành tựu lớn nhất của văn minh xây dựng đô thị thời kỳ Phục hưng chỉ dừng lại ở việc xây dựng quảng trường và các phương án đô thị không tưởng mà không xây dựng được một tổng thể đô thị thực sự nào.

- Quảng trường Văn nghệ Phục hưng có quy mô lớn với các chức năng xã hội, văn hoá, tinh thần là chính. Do áp dụng các nghiên cứu về toán học, hình học và học tập phương thức xây dựng đô thị và kiến trúc Hy-La, các quảng trường thời kỳ Phục hưng có hình dáng hình học, chú ý đến các hiệu quả phối cảnh nhằm mang lại hình ảnh không gian hài hòa và có tính thẩm mỹ cao.

Các quảng trường tiêu biểu: quảng trường Saint Peter, quảng trường Capitol, quảng trường Saint Mark.

- Với chủ trương trong xã hội phải có "nhà nước lý tưởng, con người lý tưởng và đô thị lý tưởng", nhiều nghệ sĩ, kiến trúc sư cũng đã trình bày những phương án riêng thể hiện quan điểm riêng của mình về một đô thị lý tưởng. Đa số các phương án có hình dáng hình học với mạng đường tán xạ kết hợp với ô cờ và nhiều quan điểm mới mẻ như: phải phù hợp với cơ năng của cuộc sống, phải liên kết với môi trường tự nhiên xung quanh... nhưng nhìn chung các phương án còn phiến diện. Một số phương án chỉ chú ý khía cạnh phòng thủ hoặc thẩm mỹ mà không nhìn nhận một cách toàn diện đô thị như là một phạm trù kinh tế xã hội.

2.4 Đô thị thời kỳ Quân quyền tuyệt đối

- Vào thế kỷ thứ XVII, sức mạnh của chủ nghĩa tư bản châu Âu tăng lên và giai cấp tư sản mong muốn có một môi trường ổn định, thống nhất để làm giàu

trong khi sức mạnh của vương quyền còn rất lớn. Kết quả là một số nhà nước tuyệt đối quân quyền ra đời với sự thoả hiệp giữa ba thành phần nhà vua, nhà thờ và giai cấp tư sản. Theo thời gian, ở châu Âu đã lần lượt thành lập một số quốc gia dân tộc thống nhất quân quyền chuyên chế. Các thủ đô và thành phố lớn của các nước này đều phát triển toàn diện, trở thành các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, với đầy đủ các điều kiện để xây dựng và mở rộng với quy mô tương đối.

- Nghệ thuật xây dựng đô thị kiến trúc đương thời có cơ sở lý luận là chủ nghĩa cổ điển lấy tư tưởng duy lý làm gốc. Tác phẩm nghệ thuật phải tìm đến sự trung thành với nhà vua, tìm đến quy tắc của sự cao quý nhằm đạt được sự tuyệt đối, vượt thời gian. Bất kỳ tác phẩm nghệ thuật nào cũng phải theo đuổi sự hoà hợp và đối xứng trừu tượng, phải tìm tòi cấu trúc hình học thuần tuý và quan hệ số học trong tác phẩm. Thành tựu to lớn về quy hoạch đô thị mà chủ nghĩa cổ điển đã đạt được chủ yếu ở hai lĩnh vực xây dựng cung điện và nghệ thuật hoa viên của Pháp và trở thành hình mẫu cho các đô thị châu Âu thời bấy giờ.

Đô thị tiêu biểu: cung điện Versailles, Karlsruhe, Saint Peterburg.

CHƯƠNG 3: ĐÔ THỊ THỜI KỲ CẬN ĐẠI

3.1 Đặc điểm đô thị thời kỳ Cận đại.

- Cuối thế kỷ XVI, quan hệ sản xuất TBCN không ngừng lớn mạnh, năng suất lao động ngày càng cao, mậu dịch thương nghiệp càng phát đạt, sự phân hoá giai cấp ngày càng mạnh mẽ. Sau thế kỷ XVI, những đường hàng hải mới và việc chinh phục các vùng đất mới đã kích thích sự phồn vinh của các đô thị. Đến giữa thế kỷ XVI, cách cuộc cách mạng giai cấp tư sản đã thủ tiêu chế độ phong kiến xây dựng chế độ tư bản chủ nghĩa. Kinh tế đô thị rất phồn vinh nên các đô thị cũng không ngừng lớn lên và các đô thị mới không ngừng xuất hiện.

- Những đặc điểm của đô thị thời kỳ Cận đại:

+ Đô thị phát triển trong một bối cảnh nhiều mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa đô thị và nông, giữa trung tâm và ngoại ô, giữa tư sản và vô sản...

+ Phương thức sản xuất đại công nghiệp đã làm thay đổi bố cục, công năng, kết cấu của đô thị.

+ Đô thị có đất đai tăng nhanh nhưng dân số đậm đặc, điều kiện cư trú chen chúc, điều kiện vệ sinh và môi trường kém cỏi.

+ Trong đô thị có những ưu điểm và tồn tại những nhược điểm về các mặt trang thiết bị phục vụ công cộng và giao thông.

+ Trong đô thị tồn tại một số vấn đề về thẩm mỹ kiến trúc, đô thị.

3.2 Quy hoạch và cải tạo đô thị thời kỳ Cận đại.

- Hiện trạng phát triển thiếu kiểm soát của đô thị Cận đại không chỉ ảnh hưởng đến người dân đô thị mà còn tác động đến cả các nhà cầm quyền, buộc họ phải tiến hành những hoạt động xây dựng và cải tạo phù hợp. Trong khi tại châu Âu, công việc chính là cải tạo lại các đô thị lớn như London và Paris thì tại Mỹ là việc quy hoạch cho các đô thị mới như NewYork và Washington.

- Cao trào của quy hoạch cải tạo Paris diễn ra dưới thời đại Napoleon III. Một "giải pháp ngoại khoa" được thực hiện với tư tưởng sẵn sàng phá bỏ mọi chướng ngại vật để việc cải tạo Paris trở thành hiện thực. Dưới sự chỉ đạo không mệt mỏi của Nam tước Haussmann, trong 18 năm liền (1852 - 1870), Paris đã đổi

mới về cơ bản và mang hình ảnh của một đô thị lớn. Trước tiên, Haussmann đã tạo nên những đại lộ "trơn tru như những cái xi-lanh" bằng việc mở rộng các ngõ hẻm, phá bỏ các góc tối, tổ chức các trục đường chính kết hợp với hai tuyến vòng hình oval, xây dựng nhiều quảng trường mới. Tiếp đến là giải quyết vấn đề giao thông đối ngoại các đại lộ nối các khu trung tâm với hệ thống nhà ga đường sắt bên ngoài. Nhằm tạo nên một hình ảnh Paris đẹp, trật tự và "rực rỡ quang vinh", Haussmann đã tiến hành phương pháp phân khu đại quy mô để xây dựng lại các khu phố với kiến trúc theo kiểu sinh lợi với những dãy nhà có tầng dưới làm cửa hàng, các tầng trên cho thuê. Haussmann cũng đã thiết lập một hệ thống cây xanh cho Paris bằng việc chinh trang hai công viên rừng, xây dựng các công viên và dải cây xanh. Trong đồ án của Haussmann, có một dự kiến lớn mà ông đã thực hiện được là việc sát nhập vùng ngoại vi Paris với 18 xã vào thành phố Paris thể hiện một tầm nhìn xa về quy hoạch vùng trong xây dựng đô thị.

- Trong hoạt động xây dựng đô thị Cận đại, việc xây dựng các đô thị mới tại Mỹ như Newyork và Washington cũng là những hoạt động nổi bật. NewYork là nơi mà quy hoạch đô thị thể hiện rõ nhất tính thực dụng của chủ nghĩa tư bản. Theo tổng mặt bằng NewYork năm 1811, gần như toàn bộ khu vực đảo Manhattan được vạch ngang dọc bởi những tuyến đường thẳng góc tạo nên nhiều lô phố như nhau. Các công trình được xây dựng dày đặc và phát triển theo chiều cao trong điều kiện giá đất đắt đỏ. Các công viên chỉ được thêm vào sau này trong giai đoạn phát triển sau của đô thị. Trong khi đó, Washington với vai trò là thủ đô của nước Mỹ, lại có một tổng mặt bằng theo kiểu khác. Phương án quy hoạch Washington được đề xuất bởi Charles L'Enfant, vào năm 1791, kết hợp giữa mạng ô cò và đường chéo tạo nên vẻ hài hoà trong kiến trúc đồng thời nhấn mạnh hai khu vực chính của thủ đô là khu vực Nhà Trắng và khu vực Capital. Với các quảng trường và không gian xanh, quy hoạch Washington đã hấp thu văn hoá Pháp và ít nhiều chịu ảnh hưởng của phong cách Baroque.

CHƯƠNG 4: ĐÔ THỊ THỜI HIỆN ĐẠI

4.1 Những lý luận đô thị Hiện đại đầu thế kỷ XX.

4.1.1 Những lý luận về đô thị lý tưởng không tưởng của Charles Fourier, Robert Owen và William Moris.

- Một đô thị theo mô hình của Charles Fourier bao gồm ba khu vực hành chính, công nghiệp và nông nghiệp tuần tự từ trong ra ngoài. Đơn vị cơ bản của thành phố là Phalanstère (cung điện xã hội) cao ba tầng, các khối nhà có các hành lang kín nối với nhau, có sưởi ấm trong mùa đông và có khả năng thông gió vào mùa hè. Các cánh nhà ở giữa được dùng để cho người dân và dùng cho các công trình có chức năng yên tĩnh, các cánh nhà bên phải dùng làm nơi tiếp khách, các cánh nhà bên trái là các phân xưởng gây tiếng ồn được tập trung riêng. Trong Cung điện xã hội còn bố trí nhà ăn, nơi vũ hội, nơi họp hành...

- Các "Đơn vị đô thị" của Robert Owen có dạng một hình vuông, đặt giữa các vùng đất nông nghiệp. Toà nhà trung tâm của "Đơn vị đô thị" này là bếp nấu và các nhà ăn tập thể, phía bên phải là toà nhà dùng làm nhà trẻ, nhà văn hoá, giảng đường..., phía bên trái có toà nhà thư viện, trường học... Toà nhà lớn bao quanh hình vuông có bốn cạnh với ba cạnh là nhà ở gia đình, cạnh thứ tư dùng làm nhà ngủ cho trẻ em lớn hơn ba tuổi với các phòng bảo mẫu. Bên ngoài nhà là vườn, tiếp đến là các xưởng sản xuất cơ khí, kho thiết bị nông nghiệp và xa nhất là các trại xen kẽ với nhà máy... Những "Đơn vị đô thị" này, giống như những công xã nông thôn, còn được gọi là những "Làng Tân hoà hiệp", có thể sản xuất để tự cung tự cấp theo chế độ phân phối.

- William Moris chủ trương phục hồi lại nền sản xuất mỹ nghệ thủ công, mong muốn xây dựng một đời sống xã hội như thời Trung thế kỷ yên bình. Theo William Moris, đất đai phải được hoàn toàn phi đô thị hoá, tất cả các sự tập trung dân cư phải được ngăn chặn, phải làm sao cho các thành phố lớn biến mất và xây dựng nhiều thành phố nhỏ. Nhà cửa phải được xây dựng phân tán, đặt cách xa nhau nhờ vậy sự tiếp cận với thiên nhiên sẽ tốt hơn.

4.1.2 Quan niệm về xây dựng đô thị của Camilo Sitte.

Camilo Sitte là người đại diện cho nền quy hoạch đô thị hữu cơ có tiếng vang nhất định ở nhiều nước châu Âu vào cuối thế kỷ XIX. Trong cuốn sách "Nghệ thuật xây dựng đô thị" (1899) ông đã chỉ trích thẳng thừng "chủ nghĩa cổ điển" và "hình dáng quy tắc" thường thấy đương thời thay vào đó là một cơ cấu đô thị có sự hài hoà và linh hoạt như một cơ thể sống. Ông viết: "Một đồ án đô thị là một tác phẩm nghệ thuật của kiến trúc, nên không thể do những uỷ ban hay những bàn giấy tạo ra". Camilo Sitte nhiệt liệt cổ động cho kiểu mặt bằng đô thị không quy tắc, uốn lượn tự do như các đô thị châu Âu thời Trung cổ. Ông nhấn mạnh vai trò của điểm nhìn, tầm nhìn, đối tượng quan sát và hiệu quả nghệ thuật chỉ xuất hiện khi cảnh quan đô thị luôn luôn biến hoá, thay đổi.

4.1.3 Học thuyết Thành phố vườn của Ebenezer Howard.

- Vào cuối thế kỷ XIX, Ebenezer Howard lần đầu tiên đã nêu ra một học thuyết khoa học quy hoạch đô thị Hiện đại: lý thuyết về Thành phố vườn. Thành phố vườn được xây dựng trên ba nguyên tắc cơ bản sau: (1) Kiểm soát sự bành trướng đô thị và hạn chế việc tăng dân số lao động đô thị, (2) Loại trừ nạn đầu cơ đất, (3) Điều hoà các hoạt động sinh hoạt.

- Hệ thống Thành phố vườn của Howard bao gồm 6 thành phố vườn (mỗi thành phố có 32 000 dân) bao quanh một thành phố mẹ (có 58 000 dân). Mỗi Thành phố vườn được xây dựng trên một khu đất 400 ha, với 2000 ha vòng ngoài là khu cây xanh và đất dùng vào mục đích nông nghiệp. Mỗi Thành phố vườn đó hình thành bởi một loạt các vòng tròn đồng tâm và được chia đều bởi các đại lộ lớn. Howard viết: "Sáu đại lộ lớn, mỗi đại lộ rộng 36 m, xuyên qua thành phố xuất phát từ trung tâm, chia thành phố thành 6 phần đều nhau là các khu ở. Ở trung tâm, một không gian vòng tròn khoảng 2,2 ha được dành cho một vườn hoa lớn. Các công trình công cộng được đặt quanh vườn hoa này như toà thị chính, phòng hoà nhạc, hội trường, thư viện, bảo tàng ... Quanh công viên trung tâm, tại nơi cắt qua các đại lộ bố trí các Cung thủy tinh hướng về phía công viên là nơi gặp gỡ cho công chúng vào lúc mưa gió. Đây cũng là nơi trưng bày và bán những sản phẩm

thủ công nghiệp, tiến hành những dịch vụ thương nghiệp... Hình thức kiểu vòng tròn của nó sẽ phục vụ tiện lợi cho toàn thể dân chúng đô thị, từ đây đến nhà ở xa nhất cũng chỉ có khoảng cách 550 m... Ở giữa bán kính 550 m nói trên lại có một đại lộ cây xanh vòng tròn rộng 128 m, là nơi đặt trường học, chỗ chơi trẻ em, nhà thờ... Các khu ở được bố trí các nhà bếp công cộng, vệ sinh được bảo đảm nghiêm ngặt. Một tuyến xe lửa sẽ được chạy vòng ngoài để chở hàng đến các nhà máy, tránh được hiện tượng các xe tải chạy xuyên qua thành phố, các chất thải hữu cơ được dùng vào nông nghiệp, không khí được bảo đảm trong lành, điện được dùng rộng rãi... Vành ngoài của Thành phố vườn được đặt những nhà máy, xí nghiệp, không độc hại. Mỗi Thành phố vườn là một đơn vị tự trị, nối liền với thành phố mẹ bằng 6 đường xe lửa và bản thân các Thành phố vườn cũng được nối liền với nhau bởi một tuyến xe lửa chạy vòng tròn. Khi Thành phố vườn đủ lớn như quy mô đã nói, một thành phố mới sẽ ra đời và cứ nối tiếp như vậy.

4.1.4 Thành phố tuyến của Soria y Mata.

- Soria y Mata có một sự say mê đặc biệt đối với vấn đề giao thông cũng như các vấn đề khác của đô thị nên vào năm 1882, ông đã đề ra mô hình Thành phố tuyến như một hình thức đô thị tương lai. Mô hình Thành phố tuyến của Mata là một hình thức phân bố dân cư theo một dải hẹp rộng 500 m và có thể kéo dài tùy theo sự cần thiết. Mata chủ trương giao thông vận tải, đặc biệt là đường sắt, là nhân tố quyết định sự hình thành đô thị. Trong khoảng 500 m rộng kéo dài, tùy sự cần thiết sẽ đặt đường xe chạy, đường cấp nước, đường dây điện... Hai bên là các khu ở, cứ cách một đoạn là có một cơ cấu quản lý thị chính. Thành phố tuyến sẽ là phương cách hữu hiệu để nối liền các điểm dân cư đô thị.

- Sơ đồ nguyên tắc của Thành phố tuyến của Soria y Mata bao gồm các thành phần sau đây: tuyến giữa là đường giao thông chính rộng 40 mét, trên trục này có đường sắt điện khí hoá; hai dải đất hai bên dành để xây dựng nhà ở (dải đất đủ rộng để chia ra 7 lô đất hình chữ nhật theo chiều sâu cho 7 dãy nhà), các đường thẳng góc với đường chính rộng 20 mét, các nhà có tỷ lệ diện tích xây dựng trên diện tích khu đất là không lớn hơn 20%, mỗi nhà có vườn hoa riêng và chỉ xây

dựng chỉ 2-3 ba tầng với các kiểu đa dạng khác nhau; hai dải ngoài cùng hai bên là dành cho cây xanh và đất nông nghiệp.

4.1.5 Thành phố công nghiệp của Tony Granier.

- Tony Granier là người đã đưa ra nhiều đề nghị cụ thể, chính xác cho một khái niệm đô thị phù hợp với thời kỳ mới: Thành phố công nghiệp. Mô hình này có khả năng thoả mãn được nhu cầu của con người trong thời đại công nghiệp hoá, chú ý đến cấu trúc cân đối mới thành phố trên quan điểm kỹ thuật tiến bộ, chú ý đến cái đẹp quần thể, chú ý đến ảnh hưởng của các phương tiện giao thông hiện đại. Thành phố công nghiệp theo Tony Granier có các chức năng sau đây: ở, làm việc, nghỉ ngơi, văn hoá và giao thông.

- Thành phố được dự kiến cho 35 000 dân, đặt ở phía Tây và phía Nam của thành phố cũ. Khu vực ở ở phía Tây, khu văn hoá thể dục thể thao ở phần giữa, ở vùng biên của khu ở đặt các trường kỹ thuật và nghệ thuật, ở phía Bắc đặt bệnh viện trung tâm. Rải rác trong khu ở có bố trí các trường học phổ thông. Khu vực phía Nam thành phố cũ đặt khu công nghiệp. Một tuyến đường xe lửa phân cách thành phố mới, thành phố cũ với khu công nghiệp, trên đó có bố trí nhà ga chính và nhà ga hàng hoá. Khu công nghiệp đặt gần sông với những bến cảng lớn tạo điều kiện thuận tiện cho việc chuyên chở hàng hoá. Tony Granier đã bố trí cả cây xanh cho cả khu công nghiệp. Các khu nhà ở có mặt bằng tự do, dùng cửa kính băng ngang, hòa lẫn trong không gian cây xanh với những đường đi bộ. Thành phố được nối liền với nhau bằng xe điện, khu dân cư chính trải dài thành một tuyến 6 km rộng 600 m, có đủ đất đai dự trữ cho cả khu nhà lẫn khu công nghiệp, có đập thủy điện cung cấp điện cho toàn thành phố, các trường học được tổ chức theo kiểu " trường học xanh" với nhiều cây cối, thảm cỏ...

CHƯƠNG 5: ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Chiến tranh thế giới I (1914 – 1918) đã để lại hậu quả nặng nề ở châu Âu. Sau chiến tranh, mọi người đổ về đô thị tạo nên một làn sóng đô thị hóa ồ ạt. Giao thông đô thị trở thành vấn đề hết sức căng thẳng, những lý luận không tưởng trước đây muốn thoát ly khỏi đô thị đã không còn chỗ đứng trước thực tế đô thị cứ tiếp tục phình to ra mãi. Cùng thời gian này, cách mạng tháng Mười thắng lợi ở Nga đã đặt nền móng cho một kiểu hoạt động xây dựng đô thị hoàn toàn mới.

5.1 Các phương án quy hoạch đô thị của Le Courbusier.

- Le Courbusier ngoài việc xây dựng một nền kiến trúc mới chống lại phái hàn lâm kinh viện, đã coi quy hoạch đô thị là một công việc có tầm quan trọng chiến lược, sống còn đối với văn minh nhân loại. Ông coi "quy hoạch đô thị là chìa khoá" để giải quyết mọi vấn đề kiến trúc xây dựng. Le Courbusier là tác giả của các phương án thành phố ba triệu dân, phương án cải tạo trung tâm Paris và nhiều phương án quy hoạch các đô thị nhiều nước trên thế giới..

- Mô hình thành phố ba triệu dân được Le Courbusier đưa ra vào năm 1922. Ông phê phán kiểu xây dựng hỗn loạn vô chính phủ hiện tại, muốn thực hiện một cách xây dựng có quy luật, có trật tự, chủ trương xây dựng hàng loạt, xây dựng công nghiệp hoá. Mô hình Thành phố ba triệu dân là dưới dạng một hình chữ nhật lớn, có những trục giao thông chính và phụ đan nhau 90° hoặc 45° . Ở giữa trung tâm thành phố rộng lớn 350 ha là khu vực làm việc, dịch vụ với 24 nhà chọc trời cao 60 tầng, mỗi nhà đặt cách nhau 150 mét. Bao quanh khu nhà này là khu ở đầy cây xanh dành cho 400-600 nghìn người với các nhà cao tầng kiểu. Ngoài cùng là khu ở kiểu sân vườn với hai triệu dân. Các khu công nghiệp, các thị trấn-vườn được đặt ở ngoại vi. Thành phố có hai trục giao thông chính thẳng góc với nhau tạo thành hai trục quy hoạch cắt nhau ở trung tâm đô thị, mỗi trục rộng 180 mét. Nhà ga chính đặt ở trung tâm với hệ thống giao thông cả trên và dưới mặt đất.

5.2 Mô hình Đô thị vệ tinh của Raymond Urwin.

- Năm 1922, Raymond Urwin công bố cuốn sách "Thực tiễn quy hoạch đô thị", đặt cơ sở nền móng cho lý thuyết thành phố vệ tinh. Mô hình này dựa trên cơ

sở thiết lập một mạng lưới các đô thị nhỏ bao quanh một đô thị lớn qua đó có thể phân tán bớt dân các đô thị lớn và bảo đảm cho trung tâm đô thị phát triển tương đối độc lập, nhằm tạo điều kiện sống có lợi hơn cho nhân dân đô thị. Sơ đồ hệ thống Đô thị vệ tinh là một mạng lưới gồm 9-10 thành phố nhỏ bao quanh một thành phố chính. Ở thành phố chính này có khu công nghiệp ở phía đông, khu thương nghiệp ở chính tâm, vòng ngoài là các khu ở. Các đô thị vệ tinh đặt cách thành phố chính 40-50 km. Tuy lý thuyết thành phố vệ tinh của Raymond Urwin không có gì cách tân lắm so với Thành phố vườn của Ebenezer Howard nhưng lại được dư luận chú ý và có một số thực tiễn chứng minh rằng nó có thể áp dụng được ở nhiều nước, trên cơ sở bổ sung một số thành phần chức năng đô thị cho nó.

5.3 Mô hình Đơn vị ở lán giếng của Clarence Perry.

- Clarence Perry là người đã đề xuất một mô hình xây dựng đô thị được ứng dụng nhiều nhất trên thế giới với nhiều tên gọi khác nhau và vẫn còn giá trị đến ngày nay: Mô hình Đơn vị ở lán giếng. Đó là một đóng góp quan trọng vào nền văn hoá xây dựng đô thị Hiện đại, khai thông một hướng phát triển đô thị hợp lý mới, luận thiết của Perry thực sự đã gây một chấn động trong dư luận các giới chuyên môn và công chúng.

- Những nguyên tắc tổ chức cơ bản của mô hình Đơn vị ở lán giếng:

+ Những Đơn vị ở lán giếng được bao quanh bởi những tuyến giao thông chính, bên trong khu ở chỉ có đường nội bộ, không được xuyên qua mà chỉ có đường cụt.

+ Bố trí và sử dụng hợp lý các công trình dịch vụ; trường học đặt gần với lõi không gian cây xanh, trường học và nhà trẻ nối liền với các đường đi bộ, cách ly hoàn toàn các đường lớn, khu vực nghỉ ngơi công cộng và các công trình công cộng được hợp nhóm đặt gần không gian cây xanh. Các cửa hàng nên đặt ở vành ngoài khu ở, gần các nút giao thông công cộng.

+ Số lượng người của khu ở phù hợp với quy mô các công trình phục vụ (5000-6000 dân tương ứng với trường học có 1000 học sinh). Ngoài ra phải chú ý đến bán kính phục vụ từ trung tâm ra vành ngoài bán kính nên lấy khoảng 400m.

Với cách tổ chức này và việc sử dụng chung các công trình dịch vụ các mối quan hệ láng giềng sẽ phát triển tạo nên môi trường ở tốt và sống động.

5.4 Thành phố thôn dã của Frank Lloyd Wright

và Thành phố phân tán của Eliel Saarinen.

- Thành phố thôn dã kiểu phân tán của Frank Lloyd Wright ra đời năm 1935 là một sự phản kháng của ông về cuộc sống trong các đô thị lớn. Wright đã mô tả đô thị của mình với hồ, sông, với các nhà ở biệt lập xây dựng trên các khu đất rộng, ngập trong cây xanh. phía Tây Bắc thành phố có một khu trung tâm với một nhà hành chính cao đột xuất, có công viên, sân bãi thể thao, vườn động vật, nhà thủy tạ ... Thành phố sử dụng các phương tiện giao thông hiện đại, có nhiều đường ô tô rộng nối liền với các sân bay và các tuyến đường xe lửa. Phạm vi đi lại cho dịch vụ, công việc làm chỉ trong khoảng 16-32 km với thời gian đi lại 10-40 phút. Khái niệm đô thị của Wright gắn với việc đề cao cá nhân, chống lại con "quái vật cơ khí" và giải thoát con người khỏi cách sống "cả gói".

- Thành phố phân tán của Eliel Saarinen cũng dựa trên một ý tưởng giả định một cách lý tưởng về thiên nhiên và xã hội. Saarinen cho rằng nếu thành phố ban đầu là một hình vuông đặc thì sau 10 năm, 20, 30, 40 năm và 50 năm sau sẽ phân hoá thành từng mảng nhỏ như những mảng thủy tinh vỡ hình thành nên một cấu trúc phân liệt. Saarinen đặc biệt chú ý vấn đề giao thông giữa các thành phần trong cấu trúc vì ông cho rằng đưa nhà máy, trường đại học, viện nghiên cứu và các nhà làm việc vào trong khu ở là không thực tế. Qua những phân tích của mình, Saarinen cho rằng trong một chừng mực nào đó thành phố lớn có thể chấp nhận được như là một đơn vị thống nhất nhưng với điều kiện là phải cải tạo khi nó đã suy thoái, và phải có sự phân tán hữu cơ.

5.5 Hiến chương Athens và C.I.A.M.

- C.I.A.M là tên gọi của Hiệp hội kiến trúc sư quốc tế thành lập năm 1928 còn hiến chương Athens là một cương lĩnh có tính chất chiến lược về quy hoạch đô thị của hiệp hội được soạn thảo năm 1933 tại Athens. Mục đích của C.I.A.M là đúc rút kinh nghiệm của kiến trúc hiện đại, giới thiệu những ý tưởng mới, phổ biến

rộng rãi tư tưởng của kiến trúc hiện đại vào đời sống xã hội, nhằm gây một công luận phổ biến có lợi cho nền kiến trúc mới.

- Bản hiến chương về xây dựng đô thị này - căn cứ vào thực tế khủng hoảng đô thị thế giới - đã đề xuất ra 5 đại mục chính là: *Nhà ở, Giải trí, Việc làm, Giao thông và di sản lịch sử* với 95 đề nghị. Phần một của bản hiến chương đã đề cập đến vấn đề Đô thị và Vùng đô thị. Phần hai nói đến tình trạng hiện đại của các đô thị, tiến hành phê phán và đề ra phương pháp cải tạo chúng, nêu lên điểm đầu là nhà ở (phê phán tình cảnh ở tồi tàn ở các đô thị); điểm thứ hai nói đến vấn đề nghỉ ngơi (nhấn mạnh tầm quan trọng của không gian cây xanh); điểm thứ ba là công việc làm (nêu lên việc bố trí bất hợp lý các khu vực đô thị); điểm thứ tư là những quan điểm về giao thông (nêu lên hiện trạng và phương pháp cải tạo), điểm thứ năm bàn về di sản đô thị (chủ trương cứu vãn những giá trị văn hoá). Phần ba (kết luận) đã đề ra việc thành phố phải bảo đảm về mặt vật chất và tinh thần, tự do cá nhân, lợi ích tập thể cho cộng đồng đô thị.

5.6 Trường phái quy hoạch đô thị Xô Viết những năm 1920 - 1930.

- Sức bật mạnh mẽ của hoạt động xây dựng đô thị ở Liên Xô trong những năm 1920-1930 có cơ sở kinh tế-xã hội từ việc Liên Xô đã quốc hữu hoá toàn bộ đất đai lãnh thổ. Rất nhạy cảm với sự đe dọa của các đô thị lớn, các nhà kiến trúc đô thị Xô Viết đã đề ra khái niệm "Trực phân bố" dân cư, nhằm hạn chế việc tạo thành các đô thị lớn, tiêu diệt mâu thuẫn giữa thành phố và nông thôn. Những trực phân bố như vậy đặt dọc theo các tuyến đường giao thông, với đầy đủ các thành phần: các khu ở, khu văn hoá dịch vụ, khu công nghiệp và cả các khu nông nghiệp.

- Một mô hình quy hoạch đô thị quan trọng đã được đưa vào thực tiễn xây dựng thành phố Stalingrad bởi Miliutin là quan niệm Thành phố dải, một hình thức thành phố tuyến nhưng với những khái niệm cách tân hơn. Miliutin đã đặt thành phố trải dài theo triền sông Volga, theo thứ tự từ bờ sông ra bên ngoài là dải nhà ở, tiếp đến là đại lộ sau đó đến dải cây xanh rộng 500 mét: rồi đến dải đất dùng cho khu công nghiệp, ngoài cùng là đường xe lửa.

CHƯƠNG 6: QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI

THỜI KỲ ĐẦU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II

Cuộc chiến tranh thế giới thứ II kết thúc với sự tổn thất nặng nề về mọi mặt trong đó có đô thị, việc tái thiết các thành phố lớn trở nên cần thiết. Các nước TBCN phương Tây thời hậu chiến đã chú ý đến vấn đề xây dựng các tiểu khu nhà ở, muốn tăng độ lớn của các đơn vị quy hoạch để thuận lợi cho việc bố trí dịch vụ và cây xanh. Trong lĩnh vực giao thông, xu hướng chung là tiến tới phân công chức năng cho các loại đường, bố trí hệ thống đường đi bộ ở một số khu vực đô thị và tách hệ thống này khỏi những tuyến đường ô tô cao tốc, mở rộng chiều rộng đường, giảm bớt số ngã tư, xây dựng những xa lộ cao tốc.

6.1 Hoạt động xây dựng Brasilia.

- Năm 1956, chính phủ Brasil tổ chức cuộc thi phương án quy hoạch cho thành phố thủ đô mới của đất nước này-thành phố Brasilia. Phương án đoạt giải nhất của Lucio Costa có cách tổ chức không gian cho Brasilia độc đáo khác thường. Thành phố dự kiến cho 50 vạn dân này có hình dáng một chiếc máy bay, hai cánh lớn bố trí các khu ở, thân máy bay là trục chính của thành phố trên đó bố trí nhiều công trình công cộng quan trọng, ở đỉnh bố trí quảng trường Tam quyền hình tam giác trên đó đặt những công trình lớn đầu não của Nhà nước, phần đuôi hình máy bay đặt nhà ga xe lửa và các xí nghiệp thủ công nghiệp.

- Năm 1958, thành phố được khởi công và chỉ mấy năm sau đã hoàn thành về cơ bản. Trục chính (thân máy bay) dài 6 km, trục phụ hình vòng cung (hai cánh) dài 13 km. Nơi hai trục cắt nhau bố trí các công trình thương nghiệp, văn hoá giải trí v.v..., từ đây đi theo trục chính về phía Đông (đến đỉnh của máy bay) là 12 toà nhà lớn dành cho các bộ, tiếp đến là quảng trường Tam quyền trên đặt nhà Quốc hội Brasil và hai toà nhà Ban thư kí, nhà làm việc của Tổng thống và Toà án tối cao. Hai khu vực nhà ở lớn hai bên trục chính được tổ chức theo kiểu "siêu phường". Việc phân cấp các tuyến đường giao thông rất rõ ràng, xe ô tô không chạy vào các khu vực ở, đường sá giao cắt nhau lập thể. Đường xe lửa chạy qua

nhà ga ở phía "đuôi máy bay" không cắt qua thành phố. Cây xanh được bố trí men theo hai khu ở, các khu biệt thự bố trí gần hồ nước.

6.2 Hoạt động xây dựng đô thị của Le Corbusier ở Pháp và Ấn Độ.

- Đơn vị nhà ở lớn Marseilles (xây dựng 1947-1952), dài 165 mét, cao 56 mét, rộng 24 mét do Le Corbusier thiết kế thực sự đã là một thành phố, hay một thị trấn. Ngoài chức năng ở các phương tiện dịch vụ công cộng, văn hoá giáo dục, thể thao cũng được bố trí hợp khối vào trong toà nhà đồ sộ này. Toàn bộ nhà có 17 tầng, dưới để trồng cây xanh ăn lan vào và để làm gara ô tô. Ở tầng 7 và tầng 8, được đặt các dịch vụ phục vụ cấp I, tầng trên cùng có nhà trẻ, mẫu giáo, trên mái có vườn hoa, sân chơi, đường chạy, chỗ ăn uống ngoài trời, 15 tầng ở gồm 337 căn hộ ở với các kiểu từ căn hộ độc thân đến hộ 10 người, chứa được 1600 người.

- Việc thực hiện quy hoạch thành phố Chandigarh, thủ phủ bang Punjab ở Ấn Độ của Le Corbusier một sự kiện lớn khác trong hoạt động xây dựng đô thị thế kỷ XX. Thành phố nằm dưới chân dãy Himalaya, với 50 vạn dân dự kiến, đã được thiết kế dựa trên những nguyên tắc sau đây:

- + Phân vùng công năng rõ rệt.
- + Phân loại đường giao thông hợp lý và tỷ mỉ.
- + Chú ý mối liên hệ giữa các khu vực ở-lao động-nghỉ ngơi và tôn trọng những giá trị sẵn có của thiên nhiên, những yếu tố đặc thù của khí hậu.
- + Chú ý tác dụng xã hội quan trọng của đô thị, kiến trúc và đề cao tính chất nhân văn của một đô thị kiểu mới.

6.4 Quá trình đô thị hoá ở Nhật Bản.

- Đặc điểm nổi bật nhất ở Nhật Bản trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ II là sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh công nghiệp đã dẫn đến sự hình thành các khu vực công nghiệp lớn-liên đô thị. Trong khi đó, lí luận đô thị thay một cách chóng mặt từ những khái niệm về hiện đại, hậu hiện đại, hiện đại mới... Trong bối cảnh đó, các kiến trúc sư Nhật Bản đã đưa ra nhiều đồ án quy hoạch dựa trên niềm tin sâu sắc về sự tiên bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật.

- Kenzo Tange trong đồ án Tokyo 60, phát triển thành phố mới Tokyo trên biển, đã đề nghị "một cuộc cải tổ về cơ cấu làm cho hình dáng hướng tâm và khép kín của thành phố trở thành một cơ cấu tuyến tính, mở và có thể kéo dài". Tokyo 60 là một thành phố tuyến vượt ngang qua mặt vịnh, hình thành bởi những mắt xích nối tiếp mắt xích kia đặt ngang trên một hệ thống cột bê tông, từ tuyến mắt xích này tỏa ra các đường ngang, trên đó đặt các quần thể ở. Ở khu vực giữa mắt xích hình chữ nhật là những tuyến đường cao tốc khác mức cao và những nhà làm việc treo trên những khối hộp bê tông thẳng đứng làm nhiệm vụ giá đỡ và giao thông thẳng đứng. Bên dưới là những chỗ đỗ ô tô, không gian cây xanh. Các quần thể là những khối nhà cao tầng có dạng mái dốc gợi lên hình ảnh kiến trúc Nhật truyền thống.

6.5 Quy hoạch đô thị hiện đại ở Anh.

- Nước Anh sau đại chiến thế giới thứ II có hoạt động xây dựng đô thị mạnh mẽ để lại nhiều kinh nghiệm và những giá trị mới cho nền văn hoá xây dựng đô thị. Thành tựu đáng chú ý nhất ở Anh là trong hơn ba thập kỷ đầu tiên sau chiến tranh, nước Anh đã xây dựng được hơn 35 đô thị mới với ba thể hệ khác nhau.

- Thể hệ đô thị đầu tiên, được xây dựng trong khoảng thời gian những năm 1946-1950, bao gồm 14 thành phố mới, trong đó có nhiều thành phố quan trọng như Harlow, Stevenage... Các đô thị thuộc thể hệ thứ nhất thường có sơ đồ tập trung, tán xạ, ở giữa đặt một trung tâm công cộng quan trọng. Các thành phố này đã thực sự trở thành những trung tâm tự trị quan trọng, sau đó còn thu hút cả dân số quanh vùng trong một phạm vi 20 km. Ở thành phố này đã có sự phân chia các khu ở thành các đơn vị láng giềng, giao thông xe hơi đi lại thuận tiện ở vành ngoài trung tâm, đã bố trí rất nhiều bãi đỗ ô tô và trung tâm công cộng với nhiều cửa hàng chuyên môn hoá, các công trình văn hoá, hành chính đã có sức thu hút rất mạnh.

- Thể hệ đô thị thứ hai, ra đời từ những năm 1950-1961, trong đó có Cumbernauld và Hook là những thành phố rất nổi tiếng. Quy hoạch thể hệ đô thị thứ hai tiêu biểu cho một xu hướng mới sau khi có sự phê phán các đô thị thuộc

thế hệ thứ nhất. Cumbernauld đã không có các đơn vị cơ sở nhỏ là tiểu khu mà tất cả các vùng ở được đặt vây quanh khu trung tâm. Sự liên hệ nhà ở-trung tâm chỉ mất 20 phút đi bộ, được thực hiện bằng một hệ thống đường đi dạo và đường đi bộ trên cao, tách khỏi đường ô tô bên dưới là một ưu điểm đáng tham khảo, kiểu tổ chức giao thông này đã làm giảm hẳn một cách đáng kể các tai nạn giao thông. Việc tổ chức giao thông nhiều tầng và tập trung các chức năng cần thiết vào một điểm tụ lớn của khu trung tâm đã đưa đến các tiện lợi đáng kể.

- Thế hệ đô thị thứ ba, ra đời sau 1961, bao gồm 13 thành phố, trong đó có những thành phố trở thành trung tâm kinh tế của vùng như Irvine, Livingston... và có những thành phố trở thành các đô thị vệ tinh làm cân bằng dân số đô thị vùng đô thị London như Peterborough, Northampton... Thế hệ đô thị thứ ba sau chiến tranh của Anh đã rút được những kinh nghiệm từ hai thế hệ đô thị trước, những đô thị này đã ra đời dựa trên những nghiên cứu về xã hội học, chú ý tạo khả năng thích ứng với khung cảnh đô thị mới cho người ở, sử dụng cấu trúc hạt nhân cho các khu ở mà không sử dụng kiểu tổ chức tầng bậc theo tiểu khu cứng nhắc. Tổ chức cấu trúc hạt nhân là tổ chức dùng các đơn vị ở nhỏ kết hợp với việc tạo thành các đơn vị lớn hơn có trình tự trong quy hoạch như sau: - *Đơn vị nhỏ*: 20-30 nhà ở tạo thành môi trường xã hội cơ sở hay "đơn vị liên kết xã hội mạnh". - *Nhóm ở*: gồm 200-400 nhà ở có các cửa hàng và trường tiểu học kèm theo. - *Quần thể ở* hay là "đơn vị cộng đồng xã hội", với một trung tâm công cộng đầy đủ, đặt cách xa không quá 5 phút đi bộ. - *Khu nhà ở* 25 000-30 000 dân với sơ đồ đa tâm.

6.6 Quy hoạch đô thị Hiện đại ở Pháp.

- Xây dựng đô thị hiện đại ở Pháp từ sau chiến tranh thế giới thứ II có thể quy tụ lại ở một số những hoạt động chính thể hiện ở việc quy hoạch - xây dựng vùng đô thị Paris và xây dựng một số đô thị mới như khu Défense.

- Một đầu của Défense gắn với hai tuyến giao thông có cường độ giao thông thuộc loại cao nhất Paris đã được áp dụng một trong những biện pháp xây dựng độc đáo: toàn bộ mặt đất được phủ bởi những bản beton cốt thép lớn, bên dưới là các tuyến đường giao thông, các chỗ đỗ ô tô và đường ống kỹ thuật chạy

ngầm, bên trên là một hệ thống các nhà tháp cao. Hệ thống đường ngầm bên dưới bản phẳng có nhiều độ sâu với cốt cao khác nhau: ở độ sâu thứ nhất đặt các tuyến đường ô tô buýt, chỗ đỗ xe con, ở độ sâu thứ hai và thứ ba đặt các tuyến đường ô tô, chỗ đỗ xe con, hệ thống đường ống kỹ thuật, ở độ sâu thứ tư đặt các tuyến đường ô tô buýt. Phía trên mặt đất, hàng loạt các nhà cao tầng đã mọc lên là trụ sở của nhiều hãng và công ty lớn. Khu vực nhà ở có số tầng thấp hơn với một trung tâm thương nghiệp và nhiều dịch vụ công cộng khác.

- Việc lớn lên không ngừng của thủ đô nước Pháp đã buộc phải thiết lập một dự án phát triển dài lâu cho vùng đô thị Paris. Đó là một dự án phát triển kiểu tuyến tính, tạo thành bởi hai dải song song chạy bên ngoài nội thành Paris từ hướng Đông Nam lên phía Tây Bắc, dự kiến kéo dài mãi đến tận thành phố cảng Havre. Cấu trúc của đồ án này cho phép vùng đô thị Paris phát triển một cách hài hoà khi đã dự kiến một mạng lưới thành phố cũ và mới phát triển theo kiểu tuyến tính mà hạn chế kiểu phát triển hướng tâm. Quần thể đô thị này có diện tích 12000 km² có các thành phần cấu thành sau đây:

+ Nội thành Paris và các khu vực đô thị lân cận Défense, Versailles, Créteil...

+ Một trục kép lớn gồm hai mũi tên chạy song song phía trên và dưới nội thành Paris xác định hướng phát triển chính cho vùng đô thị Paris. Trục phía trên sẽ liên kết các thành phần đô thị Bobigny, Saint Denis, Cergy Pontoise... thành một trục đô thị thống nhất. Trục phía dưới liên kết các thành phần đô thị sẽ liên kết các đô thị Melun, Évreux, Mantes... thành một trục đô thị thống nhất.

CHƯƠNG 7: ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Các đô thị cổ Việt Nam ban đầu được hình thành trên cơ sở các trung tâm chính trị và quân sự, ở đó các tòa thành phục vụ cho mục đích phòng thủ và bên trong là nơi đồn trú của các thế lực phong kiến. Bên cạnh phần "đô" còn tồn tại phần "thị"; là nơi tập trung các thợ thủ công sản xuất ra các hàng hóa tiêu dùng và những cư dân làm nghề buôn bán trao đổi hàng hóa cần thiết, đó là những người không sản xuất nông nghiệp. Như vậy thành thị đã ra đời, mang tính chất chính trị quân sự và kinh tế. Các trung tâm này đóng vai trò chủ đạo của cả nước hay chỉ là trung tâm ở các địa phương. Đó là các kinh đô của các triều đại phong kiến như Cổ Loa, Thăng Long, Huế... và các lý sở của quan lại địa phương như tỉnh lý, huyện lý, phủ lý như Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh... Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa chưa phát triển tính chất chính trị quân sự chi phối và trội hơn tính chất kinh tế thương nghiệp. Đến thế kỷ XVI - XVII do ngoại thương phát triển mạnh làm xuất hiện một số đô thị mang tính chất kinh tế thương mại thuần túy như Phố Hiến, Hội An, Gia Định... và có cấu trúc đô thị tương đối hoàn chỉnh.

7.1 Cổ Loa.

- Là thủ đô của Nhà nước Âu Lạc do An Dương Vương xây dựng từ thế kỷ thứ 3 TCN. Là một đô thị cổ xưa nhất nước ta ngày nay vẫn còn lại những vết tích các tòa thành rất rõ rệt. Cổ Loa cách Hà Nội khoảng 17km về phía Tây Bắc, xen giữa các gò đồng ngồn ngang và những hồ lớn, đầm lầy và ruộng chiêm trũng.

- Thành đắp bằng đất và có bố cục theo kiểu ba vòng thành hai vòng ngoài theo kiểu tròn ốc, vòng trong hình chữ nhật, hướng Nam. Vòng ngoài có chu vi dài 8km, vòng giữa có chu vi dài 6,5km và vòng trong 1,6km. Thông ra bên ngoài bằng các cửa. Thành ngoài mở bốn cửa Đông, Nam, Bắc và Tây Bắc, thành giữa mở năm cửa Nam, Bắc, Tây Bắc, Tây Nam và cửa Cổng phía Đông sang đầm Cỏ. Thành trong chỉ mở một cửa phía Nam. Thành cao trung bình khoảng 12m, chân thành rộng 20m và mặt thành rộng khoảng 8-10m. Quanh tường thành trong có đắp 18 ụ đất nhô ra phía ngoài, bên ngoài mỗi vòng thành có hệ thống hào nước

rộng 30m nối liền với hệ thống sông ở phía Tây Nam và đầm Cả ở phía Đông Nam là căn cứ của thủy quân.

7.2 Hoa Lư.

- Hoa Lư là kinh đô Triều đại Đinh, Tiền Lê xây dựng từ thế kỉ IX, cách Hà Nội 100km về phía Nam. Hoa Lư nằm trong một thung lũng khá bằng phẳng xung quanh bao bọc những dãy núi đá vôi như những bức tường thành tự nhiên cao sừng sững và hiểm trở. Sau lưng là cả dãy núi lớn phía Nam chạy từ miền Tây Bắc đổ xuống biển Đông. Phía Bắc là cánh đồng rộng lớn và có sông Hoàng Long chảy qua làm thành một chiến hào án ngữ từ xa. Đồng thời cũng là mạch giao thông đường thủy liên hệ thuận tiện với các miền trong nước.

- Bằng mười đoạn thành nhân tạo nối liền các dãy núi đá vôi lại với nhau tạo thành hai vòng thành khép kín đứng cạnh nhau với diện tích tổng cộng khoảng 330ha. Trong đó vòng ngoài thành gồm có năm đoạn tường thành nhân tạo đắp bằng đất hiện nay vẫn dễ dàng nhận thấy. Đoạn thành Dền là đoạn dài nhất tới 500m và đoạn thành Bim là đoạn ngắn nhất chỉ có 65m. Sự liên hệ giữa hai khu thành qua một ngách núi gọi là "quên vòng". Trong thành phía Đông là các cung điện của nhà vua.

7.3 Thăng Long.

- Là kinh đô của Nhà nước Đại Việt từ thế kỉ XI, trải qua nhiều triều đại với các tên gọi khác nhau: Thăng Long, Đông Đô và Hà Nội ngày nay. Trong chiếu dời đô Lý Thái Tổ đã nêu rõ vị trí của Thăng Long: "Ở vào trung tâm bờ cõi đất nước, 1 cái thế rồng cuộn, hổ ngồi... tiện thế núi sông trước sau... địa thế rộng mà bằng phẳng, vùng đất cao mà sáng sủa... muôn vật rất thịnh và phồn vinh..."

- Thăng Long đời Lý Trần có bố cục ba vòng thành: Kinh thành, Hoàng Thành và Cẩm Thành. Kinh thành tức là La Thành vừa có chức năng phòng ngự vừa có chức năng ngăn lụt trong khu vực này tập trung các dân cư buôn bán và thủ công nghiệp, ngoài ra còn có các gia đình quan lại và quân đội ở được tổ chức

thành 61 phường và một số chợ búa. Trong kinh thành là Hoàng thành là nơi dành cho các cơ quan đầu não của bộ máy phong kiến triều đình. Hoàng thành được xây dựng bằng gạch và mở bốn cửa. Trong cùng là Cấm thành nơi dành riêng cho vua và hoàng tộc với nhiều cung điện, dinh thự nguy nga.

- Năm 1802 sau khi lên nắm quyền nhà Nguyễn đã đóng đô ở Huế và Thăng Long chỉ còn là một thủ phủ. Năm 1831 Minh Mạng đổi tên Thăng Long thành Hà Nội. Hoàng thành phải giảm bớt độ cao, Hoàng cung bị tháo dỡ đưa vào xây dựng kinh đô mới. Năm 1804 nhà Nguyễn cho xây dựng lại thành Hà Nội theo kiểu Vauban của Pháp. Chu vi khoảng 4km, thành cao 4m, dày 6m. Bên ngoài có hào nước rộng 16m để tăng cường sức phòng thủ của thành.

7.4 Huế.

- Là kinh đô của các triều đại nhà Nguyễn, được xây dựng từ năm 1802 sau khi Gia Long lên ngôi vua. Huế nằm bên bờ sông Hương, dùng núi Ngự Bình ở phía Nam làm “tiền án”, chọn Cồn Hến và cồn Dã Viên trên sông Hương làm thế phong thủy “tả long hữu hổ” châu vào trước mặt đế đô.

- Thành Huế có cả một hệ thống gồm 3 vòng thành bao bọc lẫn nhau đó là Kinh thành Hoàng Thành và Tử cấm thành. Kinh thành là vòng thành ngoài cùng được xây dựng theo kiểu thành Vauban, với diện tích 520ha, có dạng hình vuông chu vi gần 10km, có 4 pháo đài ở góc và 5 pháo đài mỗi mặt tường thành. Tường thành hai mặt ngoài và trong xây ốp gạch hộp dày 21m giữa thành bằng đất (18m) cao 6,6m. Thành mở 10 cửa ra vào trên xây vọng lâu. Phía góc Đông Bắc của Kinh thành là một thành nhỏ có tên Trấn Bình đài, hình lục giác chu vi 1km có cửa thông với Kinh thành. Phía ngoài thành còn có hệ thống sông đào là Hộ thành hà rộng 50-60m, bao bọc 3 mặt cộng với sông Hương để bảo vệ thành.

- Hoàng thành và Tử cấm thành được gọi chung là Đại Nội. Hoàng thành có mặt bằng hình vuông mỗi bề hơn 600m xây bằng gạch cao 4m dày 1m nằm trên trục cân xứng Bắc Nam dịch về phía trước của kinh thành. Chung quanh Tử cấm

thành có hệ thống hào để bảo vệ và ra vào bằng 4 cửa. Với diện tích 38 ha chưa tính phạm vi Tử cấm thành ở trong lòng nó, mặt bằng Hoàng thành được chia thành nhiều khu vực có tường xây quá đầu người ngăn cách lẫn nhau. Tử cấm thành cũng có dạng hình vuông mỗi bề khoảng 300m, cao 3,5m, chung quanh thành có 7 cửa để ra vào với cửa chính duy nhất ở hướng Nam là Đại Cung môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Kiến trúc Việt Nam – Các dòng tiêu biểu, Nguyễn Khởi, Trường Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh, 1991.**
- 2. Kiến trúc Cổ đại Châu Á, Ngô Huy Quỳnh, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, 1999.**
- 3. Lịch sử Đô thị, Đặng Thái Hoàng, Nhà xuất bản Xây dựng, 2000.**
- 4. Lịch sử xây dựng Đô thị Cổ đại và Trung đại Phương Tây, Nguyễn Quốc Thông, Nhà xuất bản Xây dựng, 2000.**